

Số: /BTNMT-TCQLĐĐ

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2021

V/v tiếp thu giải trình ý kiến, chỉnh sửa và hoàn chỉnh báo cáo “Kết quả kiểm kê đất đai năm 2019”

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Công văn số 493/PC-VPCP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Văn phòng Chính phủ về việc chuyển các ý kiến góp ý của các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Kế hoạch và Đầu tư; Nội vụ; Quốc phòng; Công an; Tài chính về kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 tại Báo cáo số 141/BC-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và đã chỉnh sửa, hoàn thiện Báo cáo.

Bộ Tài nguyên và Môi trường báo cáo Thủ tướng Chính phủ những nội dung tiếp thu, giải trình chính như sau:

I. Các nội dung đã tiếp thu chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện Báo cáo

Tiếp thu ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính; Bộ Tài nguyên và Môi trường đã chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện Báo cáo với các nội dung chính như sau:

1. Bổ sung một số nội dung trong Báo cáo, cụ thể:

- Cập nhật và bổ sung số liệu theo báo cáo kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 chính thức của 63/63 tỉnh, thành phố.

- Bổ sung số liệu diện tích đất lúa đã chuyển đổi cơ cấu cây trồng sang các loại đất cây hàng năm khác, cây lâu năm và đất nuôi trồng thủy sản (Biểu 02a/TKĐĐ) vào phần II, mục 4 nội dung Báo cáo và Phụ lục báo cáo.

- Bổ sung kết quả kiểm kê chuyên đề về tình hình quản lý, sử dụng đất tại các dự án xây dựng nhà ở thương mại; đất xây dựng các công trình sự nghiệp ngoài công lập, công trình công cộng có mục đích kinh doanh; đất do các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp cổ phần hóa quản lý sử dụng; đất do các ban quản lý rừng và các doanh nghiệp sản xuất nông lâm nghiệp sử dụng; đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là xã); đất sạt lở, bồi đắp; đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất; diện tích các đảo.

- Bổ sung làm rõ thêm nội dung đánh giá biến động diện tích nhóm đất chưa sử dụng theo hướng: Trong 5 năm (2014-2019) diện tích đất chưa sử dụng giảm 926.700 ha, trung bình mỗi năm giảm 185.000 ha. Tuy nhiên, riêng trong năm 2019 diện tích đất chưa sử dụng giảm 829.000 ha (các năm trước đây từ 2015 đến

2018 diện tích đất chưa sử dụng trong khoảng 2.100.000 ha; năm 2019 giảm mạnh còn 1.200.000 ha).

- Bổ sung thông tin số lượng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được giải quyết, xử lý tranh chấp đất đai từ năm 2014 đến 2019, số lượng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương còn lại chưa giải quyết, xử lý tranh chấp.

- Bổ sung thông tin về số liệu sản lượng lúa năm 2014 là 45 triệu tấn, năm 2019 là 43,9 triệu tấn, bình quân lương thực đầu người 553,1 kg/năm.

- Bổ sung chi tiết thêm diện tích chi tiết của một số loại đất trong nhóm đất nông nghiệp như đất trồng cây hàng năm, đất trồng lúa, đất trồng cây lâu năm và đất các loại rừng tại Mục 1 và 2 của Phần II trong Báo cáo.

- Bổ sung một số kiến nghị tại mục 1 và mục 3 của Phần IV trong Báo cáo.

2. Sửa lại một số từ ngữ, lỗi chính tả

- Đã sửa lại thông tin tại Phần II, mục 1.1. Hiện trạng sử dụng đất, đoạn: "...và đất phi nông nghiệp khác" thành "... và đất nông nghiệp khác...",

- Đã sửa Phụ lục 01.4. là: Diện tích phân theo vùng kinh tế;

3. Dự thảo Công văn thông báo ý kiến của Bộ Tài chính về việc không có nguồn kinh phí hỗ trợ từ Trung ương cho các địa phương có khó khăn nguồn kinh phí cho công tác kiểm kê đất đai năm 2019 để các địa phương biết chủ động cân đối ngân sách địa phương.

II. Những nội dung giải trình được giữ nguyên như dự thảo Báo cáo

1. Về ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Về nội dung làm rõ nguyên nhân làm tăng tổng diện tích đất của cả nước đã được nêu rõ tại Phần II, mục 2.4 (Về tổng diện tích các loại đất kiểm kê). Nội dung này đề nghị được giữ nguyên, do trong Báo cáo đã nêu rõ số lượng tỉnh có diện tích tăng, số lượng tỉnh có diện tích giảm và nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc tăng, giảm tổng diện tích.

2. Về ý kiến của Bộ Quốc phòng: kiểm tra, rà soát chênh lệch tổng diện tích đất quốc phòng giữa báo cáo kiểm kê đất đai của Bộ Tài nguyên và Môi trường với báo cáo kết quả kiểm kê đất quốc phòng của Bộ Quốc phòng, Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

Theo báo cáo kết quả kiểm kê đất quốc phòng của Bộ Quốc phòng, tổng diện tích đất do các đơn vị của Bộ Quốc phòng quản lý sử dụng là 234.306 ha; theo báo cáo kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổng diện tích đất đang sử dụng vào mục đích quốc phòng là 243.075 ha; chênh lệch so với báo cáo của Bộ Quốc phòng là 8.767 ha, trong đó: 10/63 tỉnh, thành phố có diện tích trùng khớp nhau; 14/63 tỉnh, thành phố có diện tích chênh lệch tăng giữa số liệu của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố

với số liệu của Bộ Quốc phòng; 39/63 tỉnh, thành phố có chênh lệch giảm (chênh lệch chi tiết từng tỉnh, thành phố có Phụ lục 01 kèm theo). Nguyên nhân chênh lệch diện tích chủ yếu như sau:

- Bộ Quốc phòng kiểm kê cả đất giao cho các đơn vị quốc phòng sử dụng vào mục đích đất sản xuất nông nghiệp; một số trường hợp báo cáo số liệu theo hồ sơ cũ được giao trước đây nhưng nay đã điều chỉnh, thay đổi nhưng chưa được cập nhật theo số liệu mới;

- Một số công trình ngầm dưới lòng đất do Bộ Quốc phòng quản lý (trong số liệu của Bộ Quốc phòng đã thống kê cả diện tích này), nhưng trên mặt đất vẫn đang sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp do các tổ chức, hộ gia đình cá nhân đang sử dụng (đã giao, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) nên trong số liệu kiểm kê của các tỉnh, thành phố không thống kê diện tích này vào đất quốc phòng;...

Vì vậy, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị được giữ nguyên số liệu đất quốc phòng của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố đã báo cáo.

3. Về ý kiến của Bộ Công an

Theo báo cáo kết quả kiểm kê của Bộ Công an, tổng diện tích đất do các đơn vị của Bộ Công an quản lý sử dụng là 69.051 ha; theo báo cáo kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổng diện tích đất đang sử dụng vào mục đích an ninh là 52.642 ha; chênh lệch giảm so với báo cáo của Bộ Công an là 16.409 ha. trong đó: 20/63 tỉnh, thành phố có diện tích đất an ninh cơ bản khớp nhau; 11/63 tỉnh, thành phố có diện tích chênh lệch tăng giữa số liệu của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố với số liệu của Bộ Công an; 32/63 tỉnh, thành phố có chênh lệch giảm (chênh lệch chi tiết từng tỉnh, thành phố có Phụ lục 02 kèm theo). Nguyên nhân chênh lệch diện tích chủ yếu như sau:

- Bộ Công an kiểm kê toàn bộ là đất an ninh cả diện tích đất nông nghiệp do các Trại giam sử dụng hoặc diện tích đất qui hoạch là đất an ninh nhưng chưa được giao đất.

- Do Bộ Công an báo cáo số liệu theo hồ sơ cũ được giao trước đây nhưng nay đã có một số điểm đã điều chỉnh, thay đổi nhưng chưa được cập nhật theo số liệu mới;

Vì vậy, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị được giữ nguyên số liệu đất an ninh của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố đã báo cáo.

4. Về ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Đối với diện tích đất có rừng tự nhiên của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố tại Quyết định số 1423/QĐ-BNN-TCLN ngày 15/4/2020 về công bố hiện trạng rừng toàn quốc năm 2019 cao hơn diện tích đất có rừng tự nhiên do Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp từ kết quả kiểm kê của các địa phương (260.000 ha). Bộ Tài nguyên và Môi trường giải trình như sau:

Các tiêu chí về các loại rừng (rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trong nhóm đất lâm nghiệp) được lấy theo quy định của Luật Lâm nghiệp. Kiểm kê đất lâm nghiệp được thực hiện theo đơn vị cấp xã bằng phương pháp chủ yếu sử dụng bản đồ địa chính (nơi chưa có bản đồ địa chính sẽ sử dụng bản đồ có độ chính xác cao nhất) để khoanh thửa đất có rừng theo các tiêu chí về các loại rừng và được kiểm tra, đối soát hiện trạng đất có rừng hay không còn là rừng ở ngoài thực địa; sau đó tổng hợp diện tích các loại đất rừng. Việc chênh lệch diện tích đất có rừng tự nhiên có thể do nguyên nhân Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tính cả diện tích đất quy hoạch rừng tự nhiên; khoanh bao cả diện tích đất sử dụng mục đích khác nằm trong rừng tự nhiên (ví dụ: diện tích đất ở, diện tích đất nuôi trồng thủy sản xen kẽ trong rừng,...).

5. Về ý kiến của Bộ Nội vụ

Kết quả thực hiện Dự án “Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính” theo Quyết định 513/QĐ-TTg ngày 02 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ đã được các địa phương cập nhật trước khi thực hiện kiểm kê đất đai năm 2019. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn nhiều tỉnh chưa hoàn thành nhiệm vụ này hoặc kết quả thực hiện Dự án chưa được phê duyệt chính thức. Do vậy, đến thời điểm kiểm kê đất đai năm 2019 (tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2019) các tỉnh, thành phố đã kiểm tra, rà soát vẫn còn lại còn 03 khu vực tranh chấp cấp tỉnh gồm: khu vực tranh chấp giữa Thừa Thiên Huế với Đà Nẵng (761 ha), khu vực tranh chấp giữa Phú Yên với Bình Định (512 ha) và khu vực tranh chấp giữa Hải Phòng với Hải Dương (151 ha) chưa được giải quyết. Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị được giữ nguyên như đã nêu trong báo cáo, khu vực tranh chấp giữa Hải Phòng với Hải Dương sẽ được cập nhật vào số liệu thống kê đất đai năm 2020 (tính đến 31/12/2020).

Bộ Tài nguyên và Môi trường báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả tiếp thu và giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan đối với Báo cáo kết quả kiểm kê đất đai năm 2019, kính trình Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó TTg Lê Văn Thành (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để b/c);
- Các Bộ: TC, QP, CA, KH&ĐT; NV, NN&PTNT;
- Vụ KHTC (BTNMT);
- Lưu VT, VP(TH), TCQLĐĐ (CKSQLSDD).

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Minh Ngân

